

BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ CỦA CÁC TỈNH/THÀNH PHỐ

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBDT ngày /12/2024 của Ủy ban Dân tộc)

- Tính đến ngày 24/12/2024, trong số 29/53 tỉnh, thành phố gửi báo cáo có 26 **tỉnh, thành phố** có chính đặc thù với tổng số 103 **chính sách**.
- Các tỉnh, thành phố có chính sách đặc thù gồm: Bình Định (05); Bình Phước (05); Cao Bằng (08); TP Cần Thơ (02); Đắk Nông (01); Đồng Nai (04); Gia Lai (02); Hà Giang (02); TP Hà Nội (02); Hậu Giang (01); Hòa Bình (03); TP. Hồ Chí Minh (04); Khánh Hòa (06); Kiên Giang (10); Kon Tum (11); Lào Cai (03); Ninh Bình (04); Phú Thọ (02); Quảng Nam (05); Quảng Ngãi (06); Quảng Ninh (03); Trà Vinh (05); Tuyên Quang (02); Vĩnh Long (01); Vĩnh Phúc (01); Yên Bái (06).

TT	Tỉnh/ Thành phố	Chương trình/ chính sách đặc thù	Kết quả thực hiện
1	Bình Định (05)	Chính sách cấp muối I ốt	Kinh phí cấp năm 2024 là 1.550 triệu đồng. Số nhân khẩu DTTS được cấp: 42.847 người; số lượng cấp: 257.082 kg muối I ốt (đạt 100% kế hoạch);
		Hỗ trợ học sinh đi học	Học sinh mẫu giáo, mầm non và phổ thông các cấp người DTTS được hỗ trợ theo Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quyết định số 84/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh Quy định một số chính sách đối với đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh. Đã thực hiện hỗ trợ đối với 8.836 học sinh, với kinh phí thực hiện 19.374.272.600 đồng.
		Hỗ trợ bảo hiểm y tế	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 30% mức đóng BHYT đối với người DTTS thuộc hộ gia đình cận nghèo (70% mức đóng BHYT còn lại do ngân sách Trung ương hỗ trợ) theo Quyết định số 84/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh
		Trợ giá sử dụng giống lúa lai	UBND các huyện đã chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất lúa lai phù hợp theo mùa vụ Đông Xuân và Hè Thu. Tổng kinh phí thực hiện 7.227.634.940 đồng, trong đó: vụ Đông Xuân (2023-2024) 5.215.540.194 đồng; vụ Hè Thu (2024) 2.012.094.746 đồng. Số lượng giống đã mua hơn 104.918 kg (giống: Nhị ưu 838, HYT 100, TH 3-5), năng suất bình quân đạt 66,5 tạ/ha. Chính

TT	Tỉnh/ Thành phố	Chương trình/ chính sách đặc thù	Kết quả thực hiện
			sách đã thay đổi nhận thức, tập quán canh tác, góp phần ổn định cuộc sống đối với người đồng bào DTTS.
2	Bình Phước (05)	<p>Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS</p> <p>Chính sách đối với Già làng tiêu biểu</p> <p>Hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế</p> <p>Hỗ trợ sinh viên DTTS</p> <p>Ưu đãi đối với các trường chuyên và trường phổ thông dân tộc nội trú</p>	<p>Quyết định số 84/2022/QĐ-UBND: người có uy tín trong đồng bào DTTS được hỗ trợ 500.000 đồng/người/tháng từ ngân sách tỉnh</p> <p>Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 08/3/2024 tổng kết, đánh giá 05 năm thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS/năm trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc: hỗ trợ kinh phí kéo điện; hỗ trợ kinh phí xây dựng mới và sửa chữa nhà cho các hộ DTTS thuộc đối tượng thực hiện của Chương trình.</p> <p>Kết quả, theo báo cáo Sở LĐTB&XH, Chương trình đã góp phần giảm 356 hộ/574 hộ nghèo DTTS (giảm 62,02% số hộ nghèo DTTS từ cuối năm 2023).</p> <p>Quyết định 45/2021/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND tỉnh: tổ chức 04 đoàn thăm, tặng quà cho 93 già làng tiêu biểu nhân dịp Tết Nguyên đán với tổng kinh phí thực hiện là 46.500.000 đồng; tổ chức 05 lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức; mua báo 04 kỳ Báo DTPT; in, cấp 06 Bản tin DTTS&MN; tổ chức 01 đoàn đi tham quan, học tập kinh nghiệm các tỉnh khu vực Miền trung.</p> <p>Đã thực hiện hỗ trợ cho khoảng 59.166 người DTTS, với kinh phí 19.688.119.200 đồng.</p> <p>Theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 của UBND tỉnh.</p> <p>Đã thực hiện thẩm định đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ cho 178 sinh viên đủ điều kiện nhận hỗ trợ theo quy định, với tổng kinh phí hỗ trợ là 1.115,600 triệu đồng theo Quyết định số 1641/QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh.</p> <p>Sở GD&ĐT đã thực hiện cấp các chế độ chính sách cho các học sinh của 03 trường DTNT trực thuộc sở, theo:</p>

TT	Tỉnh/ Thành phố	Chương trình/ chính sách đặc thù	Kết quả thực hiện
			<p>+ Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh quy định chính sách ưu đãi đối với các trường chuyên và trường PTDTNT trên địa bàn, tổng số tiền là: 4.188.000.000 đồng.</p> <p>+ Thông tư 109/2009/TTLT/BTC-BGDDT ngày 29/5/2009 hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường PTDTNT và các trường dự bị đại học dân tộc: 27.168.000.000 đồng.</p>
3	Cao Bằng (08)	<p>Hỗ trợ học sinh bán trú và THPT ở vùng có điều kiện KT-XH ĐBKK</p> <p>Miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập</p> <p>Hỗ trợ học sinh các trường PTDTNT</p> <p>Chính sách đối với học sinh DTTS rất ít người</p> <p>Chính sách phát triển giáo dục mầm non</p> <p>Ứng dụng công nghệ thông tin</p> <p>Giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn</p>	<p>Hỗ trợ 4.933.980 kg gạo cho 36.547 học sinh; hỗ trợ 236.230,6 triệu đồng tiền ăn cho 36.547 học sinh; hỗ trợ 29.425,5 triệu đồng tiền nhà ở cho 17.776 học sinh</p> <p>Miễn học phí cho 48.644 học sinh, với tổng kinh phí 36.241,8 triệu đồng; giảm 50% học phí cho 15.259 học sinh với tổng số tiền 3.943,3 triệu đồng; giảm 70% học phí cho 1.078 học sinh, với tổng kinh phí 889,4 triệu đồng; hỗ trợ chi phí học tập cho 95.421 học sinh, với tổng kinh phí 117.404,2 triệu đồng.</p> <p>Tổng số học sinh các trường PTDTNT trên địa bàn tỉnh được hưởng chế độ nội trú là 2.952 học sinh, với tổng số tiền là 48.076 triệu đồng</p> <p>Tổng số học sinh thuộc đối tượng người DTTS rất ít người được hưởng chế độ hỗ trợ là 940 học sinh, với tổng số tiền hỗ trợ là 8.435 triệu đồng</p> <p>Hỗ trợ ăn trưa cho 41.994 trẻ với tổng kinh phí 29.841,8 triệu đồng; hỗ trợ dạy lớp ghép cho 329 giáo viên, với tổng kinh phí 1.260,6 triệu đồng; hỗ trợ dạy tăng cường Tiếng Việt cho 372 giáo viên, với tổng kinh phí hỗ trợ 1.421,0 triệu đồng.</p> <p>Thường xuyên đôn đốc các cơ quan, đơn vị cập nhật số liệu và tăng cường tuyên truyền hướng dẫn, khai thác, sử dụng Phần mềm Hệ thống thông tin CSDL về CTDT và phần mềm Diễn đàn đối thoại trực tuyến về công tác dân tộc tỉnh Cao Bằng</p> <p>Chỉ đạo các huyện, thành phố đẩy mạnh công tác xây dựng các mô hình điểm giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống.</p>

TT	Tỉnh/ Thành phố	Chương trình/ chính sách đặc thù	Kết quả thực hiện
		nhân cận huyết thống	Tổ chức 22 Hội thi Rung chuông vàng tuyên truyền giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống vùng đồng bào DTTS&MN tại các trường PTDT Bán trú, THPT, THCS, TH&THCS trên địa bàn tỉnh với 5.136 học sinh tham gia; tổ chức 02 phiên tòa giả định tuyên truyền về tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống tại huyện Nguyên Bình; tổ chức 02 đoàn công tác đi học tập, trao đổi kinh nghiệm ở ngoài tỉnh. Báo Cao Bằng và Đài truyền hình Cao Bằng phát hành được 7 tin bài và 11 chuyên đề; xây dựng 26 Pano tuyên truyền.
		Chính sách giảm nghèo	Cấp trên 347.000 thẻ BHYT cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người DTTS sinh sống tại vùng KT-XH khó khăn, người đang sinh sống tại vùng KT-XH ĐBKK, người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất BHXH trên địa bàn tỉnh, đối tượng BTXH, người dân thường trú tại xã ATK; hỗ trợ tiền điện cho trên 37.000 hộ là hộ nghèo, hộ chính sách xã hội
4	TP Cần Thơ (02)	Hỗ trợ nhà ở	Hỗ trợ xây mới 22 căn nhà với tổng số tiền hơn 1.090 triệu đồng cho các hộ nghèo DTTS
		Hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 06/10/2017 của HĐND TP, đã mua 263 thẻ BHYT năm 2024 cho người có uy tín trong đồng bào DTTS - Thực hiện Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 05/7/2024 của HĐND TP: đã cấp 1.945/2.444 thẻ BHYT cho người DTTS đang sinh sống tại địa bàn xã Thới Xuân, huyện Cờ Đỏ, với kinh phí 598.104.000 đồng từ NSNN; hỗ trợ kinh phí mua 2.187 thẻ BHYT cho người DTTS cận nghèo với kinh phí 2.073 triệu đồng.
5	Đắk Nông (01)	Hỗ trợ lãi suất đối với hộ gia đình DTTS	Thực hiện Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND, ngày 15/12/2021 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ lãi suất đối với hộ gia đình đồng bào DTTS tại chỗ trên địa bàn tỉnh. Tổng kinh phí thực hiện năm 2024 là: 10.700 triệu đồng. Kết quả đã thực hiện hỗ trợ cho: 1.452 hộ với số tiền là 7.524,46 triệu đồng.
6	Đồng Nai (04)	Chính sách giảm nghèo	<ul style="list-style-type: none"> - Cấp 2.492 thẻ là thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo thuộc đồng bào DTTS với số tiền 1.361,218 triệu đồng, đảm bảo 100% thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo - Hỗ trợ tiền điện cho 728 hộ nghèo, với kinh phí 429.352 triệu đồng.

TT	Tỉnh/ Thành phố	Chương trình/ chính sách đặc thù	Kết quả thực hiện
			<ul style="list-style-type: none"> - Miễn, giảm học phí cho học sinh, sinh viên là con hộ nghèo, hộ cận nghèo DTTS: 524 học sinh, sinh viên với số kinh phí 263.313 triệu đồng. - Xây dựng và sửa chữa 65 căn nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn DTTS trên địa bàn tỉnh với kinh phí 4.483,94 triệu đồng từ nguồn vận động Quỹ “Vì người nghèo” - Hỗ trợ tiền tết Nguyên đán cho 1.445 hộ nghèo, hộ cận nghèo DTTS với kinh phí trên 1.006 triệu đồng; từng bước bù đắp thiếu hụt 12 chỉ số dịch vụ xã hội cơ bản góp phần giảm nghèo bền vững cho đồng bào DTTS. - Giải quyết cho 92.427 lượt người, trong đó có lao động là người đồng bào DTTS; xuất khẩu lao động được 1.307 người DTTS đi làm việc ở các nước Hàn Quốc, Nhật Bản, Malaysia...; tư vấn việc làm cho 106.839 lượt lao động (bao gồm số lao động là người DTTS), trong đó tư vấn trực tiếp là 63.056 lượt, tư vấn trực tuyến là 44.312 lượt.
		Thẻ BHYT	Thực hiện Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh, tính đến tháng 7/2024 đã cấp trên 61.610 thẻ BHYT cho đồng bào DTTS
		Công tác đối với đồng bào Chăm, Hoa, Khmer	Ke hoạch số 269/KH-UBND ngày 06/8/2024 về hỗ trợ sửa chữa nhà ở cho đồng bào dân tộc Chăm, Hoa, Khmer năm 2024. Năm 2024, tỉnh Bồng Nai hỗ trợ kinh phí' sửa chữa 07 căn nhà cho hộ đồng bào dân tộc dân tộc Chăm, Hoa, Khmer trên địa bàn tỉnh với định mức hỗ trợ là 40.000.000 đồng/căn.
		Hỗ trợ Tết Nguyên Đán cho học sinh, sinh viên	Hỗ trợ cho trên 1.487 em sinh viên DTTS đang theo học tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với tổng kinh phí thực hiện trên 1.070.640.000 đồng
7	Gia Lai (02)	Hỗ trợ đóng BHXH	Thực hiện Nghị quyết số 80/2024/NQ-HĐND ngày 10/07/2024 của HĐND tỉnh, tính đến ngày 31/10/2024, đã hỗ trợ cho 273.340 người, trong đó (1) người thuộc hộ cận nghèo là 57.163 người, (2) học sinh, sinh viên người DTTS là 56.253 người, (3) người thuộc hộ làm nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình là 99.462 người và (4) người DTTS (không phải là học sinh, sinh viên) đang sinh sống tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III, thôn ĐBK
		Chương trình tín dụng chính sách	Trong 16 chương trình có đối tượng là hộ đồng bào DTTS được thụ hưởng, tính đến 31/10/2024, doanh số cho vay hộ đồng bào DTTS đạt 790,8 tỷ đồng, với 18.621 lượt hộ DTTS vay vốn. Vốn tín dụng chính sách đã góp phần giúp cho 8.740 hộ đồng bào DTTS nghèo, cận nghèo, hộ mới

TT	Tỉnh/ Thành phố	Chương trình/ chính sách đặc thù	Kết quả thực hiện
			thoát nghèo được vay vốn phát triển sản xuất, nâng cao đời sống; thu hút và tạo việc làm cho 1.830 lao động DTTS; tạo điều kiện 46 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; giúp 43 học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn học tập; xây dựng khoảng 10.290 công trình nước sạch, công trình vệ sinh ở vùng sâu, vùng xa, vùng ĐBKK
8	Hà Giang (02)	Hỗ trợ thẻ BHYT	Hỗ trợ 100% mệnh giá mua thẻ BHYT cho hộ cận nghèo, học sinh sinh viên, hộ gia đình làm nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình theo Nghị quyết số 49/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh cho 37.506 người
		Hỗ trợ học sinh bán trú, học sinh nghèo	Theo Nghị quyết số 22/2011/NQ- HĐND ngày 15/7/2011 của HĐND tỉnh Ban hành chính sách hỗ trợ học sinh bán trú, học sinh nghèo không thuộc đối tượng hưởng theo Quyết định số 2123/QĐ-TTG ngày 22/11/2020, Quyết định số 85/2010/QĐ-TTg ngày 21/12/2010 cho 48.857 học sinh; chính sách hỗ trợ đối với cán bộ quản lý, người phục vụ học sinh bán trú tại các trường phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh
9	TP Hà Nội (02)	Hỗ trợ hàng tháng cho người có uy tín	Thực hiện quy định về chính sách hỗ trợ hàng tháng cho người có uy tín bằng 50% mức lương cơ sở/người/tháng theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND Thành phố. Trong năm 2024, các huyện vùng đồng bào DTTS thành phố Hà Nội đã thực hiện chi hỗ trợ hơn 1 tỷ 470 triệu đồng cho 119 người có uy tín
		Hỗ trợ chuyển đổi nghề đối với các hộ DTTS nghèo thiếu đất sản xuất	Triển khai thực hiện Luật Thủ đô 2024, tham mưu UBND Thành phố xây dựng Nghị quyết của HĐND Thành phố về chính sách “hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm việc làm cho hộ DTTS nghèo sinh sống ở xã vùng DTTS&MN làm nghề nông, lâm nghiệp trong trường hợp không bố trí được đất sản xuất”
10	Hậu Giang (01)	Thăm, tặng quà người có uy tín	Nhân dịp Tết Nguyên Đán, tổ chức đoàn đi thăm, chúc mừng và tặng quà cho 69 người có uy tín, mỗi phần quà 500.000 đồng, tổng kinh phí 34,5 triệu đồng
11	Hòa Bình (03)	Phát triển KT-XH đồng bào dân tộc Mông	Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh; tổng nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ thực hiện Dự án là 17.785 triệu đồng (vốn đầu tư 10.820 triệu đồng; vốn sự nghiệp 6.965 triệu đồng)
		Giúp đỡ xã, thôn, bản ĐBKK	Quyết định số 2453/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của UBND tỉnh

TT	Tỉnh/ Thành phố	Chương trình/ chính sách đặc thù	Kết quả thực hiện
		Hỗ trợ tiền Tết	Hỗ trợ 40.009 hộ nghèo, hộ cận nghèo đón Tết với tổng kinh phí 16.063.600 nghìn đồng, trong đó hỗ trợ 20.306 hộ nghèo (500 nghìn đồng/hộ) với kinh phí 10.153.000 nghìn đồng; hỗ trợ 19.702 hộ cận nghèo (300 nghìn đồng/hộ) với kinh phí 5.910,6 triệu đồng
12	TP. Hồ Chí Minh (04)	Chăm lo Tết	<p>Ban Dân tộc Thành phố đã tổ chức thăm và trao tặng 1.476 phần quà, trị giá 666.700.000 đồng (trong đó, nguồn kinh phí xã hội hóa là 395.000.000 đồng).</p> <p>Các quận, huyện, thành phố Thủ Đức đã chủ động tổ chức thăm tặng 31.887 phần quà cho đồng bào DTTS thuộc các diện chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ khó khăn, người già neo đơn, công nhân, sinh viên khó khăn... với tổng số tiền là 16.768.781.000 đồng (trong đó, nguồn xã hội hóa là 12.051.225.000 đồng).</p> <p>Tết Chôl Chnăm Thmây của đồng bào dân tộc Khmer: đã trao 3.642 phần quà với tổng kinh phí là 2.066.423.000 đồng (trong đó, nguồn kinh phí xã hội hóa là 1.708.523.000 đồng).</p> <p>Tết Ramurwan và tháng Ramadan của đồng bào Chăm theo tôn giáo Hồi giáo (Bani, Islam): đã trao 1.033 phần quà, với tổng kinh phí chăm lo là 580.6900.000 đồng (trong đó, nguồn kinh phí xã hội hóa là 361.790.000 đồng).</p> <p>Đại lễ Raya Eidil Adha của đồng bào Chăm: đã trao 44 xuất quà cho 44 vị người có uy tín trong đồng bào Chăm với tổng kinh phí là 44.000.000 đồng.</p>
		Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc	Triển khai thực hiện đầu tư hạng mục “Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tại Thành phố Hồ Chí Minh”, tổng hợp các chỉ tiêu số liệu thu thập dữ liệu về công tác dân tộc của các đơn vị; tổ chức Hội nghị tập huấn sử dụng phần mềm hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tại Thành phố Hồ Chí Minh cho các sở ban ngành, quận, huyện, thành phố Thủ Đức và công chức Ban Dân tộc Thành phố. Phần mềm cơ bản đã được hoàn thành với địa chỉ https://csdldantoc.tphcm.gov.vn .
		Hỗ trợ giáo dục, đào tạo	- Chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho học viên cao học và nghiên cứu sinh là người DTTS: đã thẩm định và hỗ trợ chi phí học tập cho 14 trường hợp với tổng số tiền 140.400.000 đồng.

TT	Tỉnh/ Thành phố	Chương trình/ chính sách đặc thù	Kết quả thực hiện
			<p>Chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh DTTS năm 2023 - 2024: có 2.907 em học sinh dân tộc thiểu số các cấp học (trừ cấp Tiểu học) được hỗ trợ học phí (trong đó: Chăm 553 em, Khmer 2.120 em, dân tộc khác 234 em) với tổng số tiền: 5.875.130.000 đồng.</p> <p>Chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người DTTS thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo: hỗ trợ cho 50 lượt sinh viên năm học 2024, với tổng số tiền 383.408.000 đồng.</p> <p>- Rà soát, tổng hợp nhu cầu học tập tiếng nói, chữ viết dân tộc Hoa, Khmer, Chăm trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn thành phố theo Kế hoạch số 5797/KH-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2024 của UBND Thành phố về tổ chức bồi dưỡng tiếng nói, chữ viết dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức và đồng bào dân tộc Hoa, Khmer, Chăm</p>
		Bảo tồn, phát huy trang phục truyền thống	Tổ chức thực hiện các nội dung Đề án “Bảo tồn, phát huy trang phục truyền thống các DTTS Việt Nam trong giai đoạn hiện nay” trên địa bàn TP Hồ Chí Minh đến năm 2025 theo Kế hoạch số 3693/KH-UBND ngày 11/10/2022 của UBND Thành phố
13	Khánh Hòa (06)	Phổ biến, giáo dục pháp luật	Tổ chức 33 Hội nghị tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và truyền thông về Chương trình MTQG DTTS&MN trên địa bàn tỉnh cho 3.050 lượt người tham gia là cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, xã, thôn; già làng, trưởng thôn, người có uy tín, hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn; đạt 100% so với kế hoạch
		Phân công các cơ quan, đơn vị hỗ trợ, giúp đỡ các xã	<p>Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 591/UBND-KT ngày 15/01/2024, các nhóm giúp đỡ đã tổ chức đi thăm, tặng quà người dân vùng đồng bào DTTS&MN nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024. Kết quả: 36/36 nhóm đã huy động nguồn lực tổ chức thăm hỏi, tặng quà, động viên cán bộ và nhân dân các xã vùng đồng bào DTTS và miền núi với tổng kinh phí 3.632,8 triệu đồng; trong đó: tặng 6.408 suất quà cho các hộ DTTS, hộ nghèo, cận nghèo, khó khăn, gia đình chính sách, các tập thể trên địa bàn xã với kinh phí 2.819,3 triệu đồng.</p> <p>Nhân dịp khai giảng năm học 2024-2025, nhóm giúp đỡ do Sở Giao thông vận tải làm Trưởng nhóm đã tặng quà cho 452 cháu từ lớp mẫu giáo đến lớp 9 xã Ba Cạm Nam mỗi cháu 01 bộ đồng phục học sinh, với số tiền hỗ trợ: 64.130.000 đồng.</p>

TT	Tỉnh/ Thành phố	Chương trình/ chính sách đặc thù	Kết quả thực hiện
			Ngoài ra Bệnh viện Quân y 87 thăm: Đảng ủy, UBND và các ban, ngành đoàn thể xã Ba Cùm Nam, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa, với tổng trị giá: 14.000.000 đồng. Nhân kỷ niệm 75 năm ngày Thương binh liệt sĩ, Bệnh viện đã tổ chức đoàn cán bộ, nhân viên y tế tặng quà, khám bệnh, tư vấn sức khỏe, cấp thuốc miễn phí cho 300 bà con xã Ba Cùm Nam, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa trị giá 60 triệu đồng.
		Phát triển nguồn nhân lực	Quyết định số 3317/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 về Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Khánh Hòa năm 2024; Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 về Kế hoạch triển khai Chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa năm 2024, trong đó, có nội dung tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 7505/KH-UBND ngày 30/7/2019 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa với mục tiêu là nâng cao, cập nhật kiến thức dân tộc, văn hóa DTTS, kỹ năng sử dụng tiếng dân tộc cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc
		Giáo dục, đào tạo	Hỗ trợ 100% học phí cho trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ học mẫu giáo và học bổng cho học sinh tiểu học người DTTS theo Nghị quyết số 17/2012/NQ-HĐND ngày 28/6/2012 của HĐND tỉnh; chế độ ưu đãi cho cán bộ, giáo viên theo Nghị quyết số 17/2010/NQ-HĐND ngày 11/12/2010 của HĐND tỉnh về một số chế độ ưu đãi đối với ngành y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa, thể dục, thể thao. Hỗ trợ giao viên, học sinh các lớp tăng cường tiếng Việt cho trẻ 05 tuổi chuẩn bị vào lớp Một theo Công văn số 1897/UBND-KGVX ngày 09/3/2017 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh mức chi hỗ trợ tổ chức các lớp tăng cường tiếng Việt cho trẻ 05 tuổi DTTS trước khi vào lớp Một.
		Y tế	Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 30/2012/NQ-HĐND ngày 05/12/2012 của HĐND tỉnh về hỗ trợ tiền ăn cho bệnh nhân điều trị nội trú là đồng bào DTTS, người thuộc diện hộ nghèo và người được nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội của nhà nước trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 05/2011/NQ-HĐND ngày 07/4/2011 của HĐND tỉnh quy định hỗ trợ 100% mức đóng BHYT hàng tháng cho người thuộc diện cận nghèo khu vực miền núi; Nghị quyết số 06/2014/NQ-HĐND ngày 09/7/2014 của HĐND tỉnh về chế độ hỗ trợ mua BHYT cho đồng bào DTTS không

TT	Tỉnh/ Thành phố	Chương trình/ chính sách đặc thù	Kết quả thực hiện
			<p>thuộc vùng có điều kiện KTXH khó khăn trên địa bàn tỉnh; Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người DTTS khi sinh con đúng chính sách dân số...</p> <p>Trợ giúp pháp lý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức 01 hội nghị tập huấn nghiệp vụ trợ giúp pháp lý cho gần 200 cán bộ cơ sở của huyện Khánh Sơn, huyện Khánh Vĩnh và các xã thuộc vùng đồng bào DTTS&MN. Tổ chức 105 Điểm tiếp nhận trợ giúp pháp lý tại thôn, xã thuộc các huyện - Tổ chức 13 buổi truyền thông về trợ giúp pháp lý cho 568 lượt người tham dự. Qua đó tiếp nhận 33 đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý. Cấp phát 51 Bảng thông tin về trợ giúp pháp lý cho cơ quan tiến hành tố tụng các cấp; các xã thuộc hai huyện miền núi Khánh Sơn, Khánh Vĩnh và các cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn tỉnh. Đã tiếp nhận thực hiện 40 vụ việc trợ giúp pháp lý.
14	Kiên Giang (10)	<p>Hoạt động bình đẳng giới</p> <p>Thăm, tặng quà Tết</p>	<p>Tổ chức 05 cuộc Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức pháp luật, các vấn đề liên quan đến bình đẳng giới cho 150 đại biểu tham dự, với kinh phí 72 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.</p> <p>Vận động, hỗ trợ, tặng quà đồng bào các DTTS trên địa bàn, giúp đồng bào vui xuân đón tết, an tâm lao động sản xuất, tinh xuất ngân sách hỗ trợ cho 1.679 hộ nghèo là người DTTS, với kinh phí là 839,5 triệu đồng; tổ chức thăm, chúc mừng 07 Hội Tương tế người Hoa và các đồng chí nguyên lãnh đạo là người DTTS.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân dịp Tết cổ truyền Chôl Chnăm Thmây của đồng bào Khmer, tỉnh hỗ trợ 652,4 triệu đồng cho hộ nghèo là đồng bào dân tộc Khmer trong tỉnh đón Tết; tổ chức 11 đoàn đi thăm, chúc Tết và tặng quà các chùa Phật giáo Nam tông Khmer, các vị chức sắc, gia đình chính sách, Mẹ Việt Nam Anh hùng,... là dân tộc Khmer trong tỉnh, với kinh phí 221 triệu đồng - Nhân dịp tết Haji của đồng bào Chăm, tổ chức 01 đoàn đi thăm, chúc mừng, tặng quà 01 điểm sinh hoạt tôn giáo, 01 chức sắc và 10 gia đình là đồng bào Chăm tiêu biểu, với tổng kinh phí 7 triệu đồng.

TT	Tỉnh/ Thành phố	Chương trình/ chính sách đặc thù	Kết quả thực hiện
			- Nhân dịp Lễ Sene Đôn ta của đồng bào dân tộc Khmer, Tỉnh ủy, UBND tỉnh thành lập 11 đoàn đi thăm, tặng quà 30 chùa, 24 vị chức sắc, 16 cán bộ hưu trí, lão thành cách mạng,... Tổng kinh phí cho các hoạt động là 319 triệu đồng. Bên cạnh đó, các huyện, thành phố thành lập các Đoàn đi thăm, tặng quà ở hầu hết các chùa, gia đình chính sách, người có uy tín, các vị chức sắc, cán bộ hưu trí, hộ nghèo trong tỉnh, với tổng kinh phí 156,4 triệu đồng
		Phát triển nguồn nhân lực	Thực hiện Quyết định số 1587/QĐ-UBND ngày 29/5/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050: xây dựng kế hoạch nguồn cán bộ, công chức, để tổ chức đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc Khmer phù hợp với vị trí việc làm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; xây dựng Kế hoạch đào tạo nguồn giáo viên dạy tiếng dân tộc Khmer; kiểm tra, giám sát, tổng hợp nhu cầu học nghề và nhu cầu việc làm sau khi đào tạo nghề đối với người DTTS
		Hỗ trợ người dạy chữ Khmer	HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND hỗ trợ người dạy chữ Khmer tại các cơ sở tôn giáo và chữ Hoa tại các cơ sở dạy chữ Hoa do Hội Tương tế người Hoa tổ chức trên địa bàn tỉnh
		Hỗ trợ đất	Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào DTTS sinh sống trên địa bàn tỉnh
		Đóng BHYT	Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người DTTS trên địa bàn tỉnh
		Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp	Triển khai thực hiện Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp”: Năm 2024 Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh tổ chức 01 lớp tập huấn nâng cao kỹ năng, kiến thức quản lý cho tổ triển khai đề án các huyện/thành phố, đồng thời triển khai cuộc thi phụ nữ khởi nghiệp chuyển đổi xanh do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động cho 72 hội viên phụ nữ; tổ chức 5 lớp tập huấn cho 491 chị là hội viên, phụ nữ, nhằm góp phần nâng cao nhận thức, thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, nâng cao chất lượng sản phẩm khởi nghiệp đến các tầng lớp phụ nữ

TT	Tỉnh/ Thành phố	Chương trình/ chính sách đặc thù	Kết quả thực hiện
		Phổ biến, giáo dục pháp luật	Tổ chức hội nghị tập huấn, truyền thông và các hoạt động tuyên truyền pháp luật tại 10 xã thuộc vùng DTTS cho 563 đại biểu là công chức Tư pháp - Hộ tịch, đoàn thể, người nghèo, người DTTS, trưởng ấp/khu phố, người có uy tín trong cộng đồng, cán bộ cơ sở tham dự; cấp phát 5.680 tờ gấp pháp luật
		Y tế	Cấp thẻ BHYT cho 78.830 người theo quy định, với kinh phí trên 74.693 triệu đồng
		Ứng dụng CNTT	Triển khai dự án “Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu về CTDT tỉnh Kiên Giang”, bước đầu đã phát huy tác dụng trong công tác thu thập thông tin, quản lý số liệu thống kê về tình hình KTXH, giảm nghèo, bảo tồn văn hoá, cải tạo tạp quán lạc hậu trong vùng DTTS
15	Kon Tum (11)	Cuộc vận động thay đổi nếp nghĩ, cách làm	Thực hiện Cuộc vận động “Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào DTTS, làm cho đồng bào DTTS vươn lên thoát nghèo bền vững”; góp phần thay đổi nếp nghĩ, không còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ, giúp đỡ của Nhà nước, tự lực vươn lên thoát nghèo bằng chính nội lực của mình
		Tăng cường ứng dụng CNTT	Số tài khoản đăng nhập Hệ thống CSDL về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh là 133 tài khoản, có 102 xã trên toàn tỉnh được triển khai nhập liệu theo biểu mẫu được mã hóa (số hóa 58 biểu mẫu báo cáo về thực trạng KT-XH của 53 DTTS trên Hệ thống và đưa vào triển khai sử dụng báo cáo 16 biểu mẫu) Đã triển khai 27 điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng CNTT tại các xã ĐBKK khẩn để phục vụ phát triển KT-XH và đảm bảo an ninh trật tự
		Đào tạo nghề, giải quyết việc làm; phát triển nguồn nhân lực	- Đã giải quyết việc làm mới cho 6.750 người, trong đó lao động là người DTTS là 4.937 người, chiếm 77,99%, có 244 người đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Kết quả đã giải quyết việc làm cho 2.876 người. Trong đó, số lao động là người DTTS là 2.185 người, chiếm 75,97% số người vay vốn. - Kế hoạch 1794/KH-UBND ngày 15/6/2023 của UBND tỉnh về phát triển nguồn nhân lực các DTTS trên địa bàn tỉnh đến năm 2030: Các Sở, ban ngành, địa phương tiếp tục lồng ghép phổ biến, tuyên truyền nội dung với những hình thức phù hợp phù hợp với đặc điểm, tình hình của đơn vị, địa phương và triển khai thực hiện 04 nhóm mục tiêu, chỉ tiêu theo Kế hoạch.
		Chính sách giáo dục	Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 06-5-2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh DTTS tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030:

TT	Tỉnh/ Thành phố	Chương trình/ chính sách đặc thù	Kết quả thực hiện
			Năm 2024 ước thực hiện số tiết dạy tăng cường Tiếng Việt cho học sinh DTTS trước khi vào lớp 1 là 11.871 tiết và dạy phụ đạo, bồi dưỡng học sinh phổ thông là 615.268 tiết.
		Chính sách y tế	Hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người DTTS khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ: Tính đến tháng 9/2024 là 10 đối tượng, số tiền hỗ trợ là 20.000.000 đồng
		Chính sách văn hóa	Tổ chức 01 lớp truyền dạy kỹ năng làm nghề dệt thổ cẩm truyền thống và trang phục truyền thống các DTTS (dân tộc Giẻ - Triêng xã Đắk Dục, huyện Ngọc Hồi); hỗ trợ thực hiện mô hình trưng bày, giới thiệu, bán sản phẩm trang phục truyền thống tại huyện Kon Plông; thực hiện xây dựng hồ sơ khoa học "nghề dệt thủ công truyền thống của dân tộc Giẻ - Triêng tỉnh Kon Tum" đề nghị các cấp đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp Quốc gia Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án “Bảo tồn, phát huy di sản không gian văn hóa công chiêng tỉnh giai đoạn 2021 - 2025”: Tổ chức 02 lớp truyền dạy công chiêng, xoang trong cộng đồng dân tộc Giẻ - Triêng với sự tham gia của 62 học viên và 06 nghệ nhân truyền dạy
		Chính sách tín dụng	Đã thực hiện cho 20.414 lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác vay vốn. Năm 2024, có 380 lượt hộ vay vốn theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình MTQG DTTS&MN
		Tăng chỉ tiêu hộ DTTS có đất ở, đất sản xuất	Kết quả ước thực hiện năm 2024 tỷ lệ hộ DTTS có đất ở 99,52%; tỷ lệ hộ DTTS có đất sản xuất 99,58%
		Bảo tồn và phát huy giá trị nghề truyền thống	Đề án "Bảo tồn và phát huy giá trị nghề truyền thống của các DTTS tại chỗ trên địa bàn tỉnh": Tổ chức điều tra khảo sát, thu thập tư liệu về các truyền thuyết, giai thoại, điển tích gắn với quá trình hình thành và phát triển của các sản phẩm nghề truyền thống tại 02 huyện Sa Thầy, Đắk Gle; làm mới 5 Panô tuyên truyền; tổ chức 01 Hội nghị vinh danh, khen thưởng nghệ nhân, người làm nghề truyền với 50 đại biểu tham gia; tham gia 01 đợt kết nối cung cầu, hoạt động xúc tiến thương mại tại tỉnh; Tổ chức 02 lớp tập huấn lớp nâng cao kỹ năng truyền nghề cho nghệ nhân, người làm nghề đã giỏi tay nghề; nâng cao tay nghề về chất lượng và đa dạng, cải tiến mẫu mã sản phẩm.

TT	Tỉnh/ Thành phố	Chương trình/ chính sách đặc thù	Kết quả thực hiện
		Thăm hỏi, biểu dương hộ đồng bào DTTS	Tổ chức thăm hỏi, biểu dương 520 hộ gia đình tiêu biểu trong việc chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia các phong trào thi đua yêu nước; phát triển kinh tế giỏi; vươn lên thoát nghèo; hộ gia đình người DTTS hiếu học có con đang theo học tại các Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh.
		Phát triển KT-XH dân tộc có khó khăn đặc thù	Quyết định số 388/QĐ-UBND ngày 10/06/2024 điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Đề án đầu tư phát triển KT-XH dân tộc có khó khăn đặc thù (dân tộc Rơ Măm) trên địa bàn tỉnh đến năm 2025
16	Lào Cai (03)	Chính sách giáo dục	<p>Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 về các chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 về việc tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ cho học sinh các xã khu vực II, khu vực III hoàn thành nông thôn mới năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 về việc tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ cho học sinh các xã khu vực II, khu vực III hoàn thành nông thôn mới năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết 15/2023/NQ-HĐND ngày 13/11/2023 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Quy định chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND.</p> <p>Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Lào Cai về Quy định về nội dung, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi đối với giáo dục phổ thông; hỗ trợ cho học sinh nội trú, bán trú, học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong thời gian ôn tập, thi tốt nghiệp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Lào Cai</p>
		Hỗ trợ khám chữa bệnh, BHYT	Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về Chính sách hỗ trợ khám chữa bệnh cho người thuộc hộ nghèo, người DTTS vùng khó khăn; phụ nữ thuộc hộ nghèo sinh con tại các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai

TT	Tỉnh/ Thành phố	Chương trình/ chính sách đặc thù	Kết quả thực hiện
			Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của HĐND tỉnh về hỗ trợ đóng BHYT cho người cao tuổi và người DTTS có khó khăn đặc thù trên địa bàn tỉnh Lào Cai
		Chính sách dân số	Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người DTTS khi sinh con đúng chính sách dân số
17	Ninh Bình (04)	Tín dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện Chính sách tín dụng đối với đồng bào DTTS về giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, cho vay đối với học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, hộ mới thoát nghèo, hộ nghèo về nhà ở, cho vay ưu đãi hộ nghèo theo Nghị định số 78/NĐ-CP ngày 04/10/2002 và Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ. - Vốn tín dụng thực hiện theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Ưu tiên bố trí vốn cho các doanh nghiệp nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp, các trang trại, gia trại và các hộ nông dân phát triển sản xuất, trong đó có ưu tiên đối với vùng đồng bào DTTS&MN
		Hỗ trợ hộ nghèo	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng theo Nghị quyết số 23/2020/NQ-HĐND, ngày 27/5/2020 của HĐND tỉnh: đây là cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh, thông qua chính sách hỗ trợ hộ nghèo có thành viên thuộc chính sách ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn - Nghị quyết số 130/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh hỗ trợ một số người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chính sách đặc thù của tỉnh, ngoài các đối tượng được hưởng trợ cấp hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ, tỉnh quy định thêm một số nhóm đối tượng như: Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo mà có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ là người khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng, trẻ em HIV hộ cận nghèo, người nhiễm HIV hộ cận nghèo ko có nguồn thu nhập ổn định, trẻ em dưới 36 tháng tuổi diện hộ nghèo, cận nghèo. - Trợ cấp hàng tháng đối với người cao tuổi cô đơn thuộc hộ nghèo theo Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, chính sách quy định trợ cấp hàng tháng cho người cao tuổi cô đơn thuộc hộ nghèo được hưởng trợ cấp hàng tháng với mức như sau: Người từ đủ 60 đến 70

TT	Tỉnh/ Thành phố	Chương trình/ chính sách đặc thù	Kết quả thực hiện
			tuổi hưởng mức 1,5 tương đương mức 540.000đ/người/tháng; Người từ đủ 70 tuổi trở lên hưởng mức 6,0 ở khu vực thành thị tương đương mức 2.160.000đ/tháng; mức 4,5 ở khu vực nông thôn tương đương 1.620.000đ/người/tháng. Được hỗ trợ mai táng phí sau khi chết với mức 20 lần mức chuẩn trợ cấp xã hội tương đương 7.200.000đ/người. Kết quả thực hiện: Đến nay, toàn tỉnh đã cấp bổ sung 14,3 tỷ đồng thực hiện trợ cấp hàng tháng cho 1.292 đối tượng trong năm 2024. Tính riêng vùng đồng bào DTTS đến nay đã thực hiện chi trả cho 101 lượt đối tượng với tổng số tiền 1.027,08 triệu đồng
		Chính sách đất đai	Ngày 30/10/2024, HĐND tỉnh Ninh Bình ban hành Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND Quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào DTTS sinh sống trên địa bàn tỉnh. Hiện UBND tỉnh đang giao các cơ quan liên quan triển khai thực hiện.
		Hỗ trợ nhà ở hộ nghèo	Theo Nghị quyết số 43/2023/NQ-HĐND ngày 10/3/2023 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2023 - 2025, với mức hỗ trợ xây mới 100 triệu đồng/hộ, sửa chữa 50 triệu đồng/hộ. Đến nay toàn tỉnh phê duyệt hỗ trợ xây mới cho 921 hộ nghèo với tổng số tiền 78,6 tỷ đồng. Trong đó phê duyệt và hỗ trợ 117 nhà ở cho hộ nghèo thuộc vùng DTTS&MN (89 căn xây mới và 28 căn sửa chữa) với tổng số tiền 1.300 triệu đồng
18	Phú Thọ (02)	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống	Tổ chức thực hiện Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS năm 2024, kinh phí là 225 triệu đồng. Tổ chức 06 hội nghị tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân trên địa bàn các huyện Thanh Sơn, Tân Sơn và Yên Lập; đến nay đã hoàn thành theo kế hoạch đề ra.
		Bình đẳng giới	Tổ chức thực hiện Đề án “Hỗ trợ hoạt động Bình đẳng giới vùng đồng bào DTTS” năm 2024, kinh phí thực hiện là 270 triệu đồng, tổ chức 07 hội nghị tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân trên địa bàn các huyện Thanh Sơn, Tân Sơn và Yên Lập; đến nay đã hoàn thành theo kế hoạch đề ra.
19	Quảng Nam (05)	Hỗ trợ BHYT	Thực hiện Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/01/2022 của HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2022 - 2025: UBND tỉnh đã giao Ban Dân tộc phối hợp với BHXH tỉnh Quảng Nam rà soát

TT	Tỉnh/ Thành phố	Chương trình/ chính sách đặc thù	Kết quả thực hiện
			đối tượng hỗ trợ đóng BHYT đồng bào DTTS theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND; cấp tạm ứng kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT đồng bào DTTS theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND năm 2024 là: 1.752.394.500 đồng cho 18.323 người được hỗ trợ.
		Hỗ trợ phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại	Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định cơ chế hỗ trợ phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025: Trong năm 2024, đã đề xuất UBND tỉnh bố trí 50 tỷ đồng để hỗ trợ cho các địa phương triển khai thực hiện cơ chế này. Đến ngày 30/10/2024, các huyện đã giải ngân 12.652 triệu đồng; dự kiến cuối năm giải ngân đạt tỷ lệ trên 95%. Trong đó riêng các huyện miền núi đã tham mưu bố trí 31,36 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 62,72%, ước đến cuối năm 2024 tỷ lệ giải ngân đạt 30.731,06 tỷ đồng.
		Hỗ trợ phát triển ngành nghề, làng nghề	Nghị quyết số 38/2022/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025: Trong năm 2024, UBND tỉnh đã phân bổ 5.066 triệu đồng để các địa phương thực hiện các cơ chế theo Nghị quyết số 38/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh. Trong đó, tổng kinh phí phân bổ hỗ trợ Nghị quyết 38 năm 2024 cho các huyện miền núi là 1.931,7 triệu đồng. Đến ngày 31/10/2024, các huyện chưa giải ngân. Dự kiến đến cuối năm giải ngân đạt tỷ lệ 30%, tỷ lệ giải ngân rất thấp.
		Cơ chế sắp xếp dân cư vùng miền núi	Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh quy định cơ chế sắp xếp dân cư vùng miền núi Quảng Nam giai đoạn 2021- 2025: Nguồn vốn giao năm 2024 là 62.330,285 triệu đồng. Đến ngày 31/10/2024 các huyện đã giải ngân được 43.137,70 triệu đồng; đạt tỷ lệ 69,21% so với số vốn được giao năm 2024. Với số hộ thực hiện là 407 hộ. Dự kiến đến cuối năm giải ngân 59.213,77 triệu đồng, tỷ lệ giải ngân đạt 95% so với kế hoạch vốn giao năm 2024, với số hộ thực hiện 699 hộ.
		Kết nghĩa giúp đỡ các huyện, xã	Thực hiện Chỉ thị 16-CT/TU của Tỉnh ủy về tăng cường công tác kết nghĩa giúp đỡ các huyện, xã vùng dân tộc thiểu số, xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh Quảng Nam: Kinh phí được giao năm 2024 là 89.740.000 đồng, đã giải ngân 56.043.200 đồng, đạt 62,9% theo kế hoạch đề ra. Xây dựng ban hành Kế hoạch số 294/KH-BDT ngày 29/3/2024 về thực hiện công tác theo dõi,

TT	Tỉnh/ Thành phố	Chương trình/ chính sách đặc thù	Kết quả thực hiện
			kiểm tra, đánh giá, nắm tình hình thực hiện công tác kết nghĩa trên địa bàn tỉnh năm 2024. Đến nay, đã triển khai thực hiện tổ chức kiểm tra, nắm tình hình tại các xã trên địa bàn 6/6 huyện với tổng cộng 18/18 xã, đạt 100% kế hoạch
20	Quảng Ngãi (06)	<p>Phát triển lâm nghiệp bền vững</p> <p>Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS</p> <p>Giáo dục - đào tạo</p>	<p>- Chính sách giao khoán bảo vệ rừng theo chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững: 5.001,02 ha/(giao khoán cho 50 hộ gia đình và 11 cộng đồng dân cư); dự kiến giải ngân đến tháng 12 năm 2024: 1.604 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.</p> <p>- Chính sách chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho diện tích rừng tham gia cung ứng DVMTR của các chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thuộc 05 huyện miền núi: 44.074 ha; kinh phí chi trả 17.794 triệu đồng; số hộ gia đình thụ hưởng 2.909 hộ; thu nhập bình quân 4,2 triệu đồng/hộ/năm.</p> <p>- Thực hiện các hình thức liên kết sản xuất, sản xuất theo chuỗi giá trị trên diện tích đất, rừng được giao khoán nhằm nâng cao thu nhập, ổn định đời sống. Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh đang tổ chức triển khai thực hiện các công trình trồng mới, trồng rừng thay thế: 421,378 ha; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung với diện tích: 557,63 ha. Hiện nay, khoanh nuôi đã hoàn công kết thúc công trình lâm sinh. Thông qua hoạt động phát triển rừng đã góp phần tạo công ăn việc làm, nâng cao nguồn thu nhập cho 526 hộ gia đình trên địa bàn 05 huyện miền núi tham gia trồng, chăm sóc rừng.</p> <p>Thực hiện theo quy định của Trung ương và phân cấp quản lý của tỉnh: tuyển dụng được 23/200 viên chức là người DTTS về công tác tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh, trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố; đồng thời đã tham mưu UBND tỉnh tuyển dụng 06 sinh viên cử tuyển được xét tuyển theo quy định tại Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08/12/2020 của Chính phủ</p> <p>Triển khai hiệu quả Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học vùng DTTS giai đoạn 2021-2025” với kết quả Tỷ lệ các cháu mầm non đến lớp: Quy mô trường, lớp được mở rộng đều khắp, đảm bảo 100% xã có trường, lớp mầm non tạo điều kiện cho trẻ mầm non ra lớp ở 5 huyện miền núi 9.404/10.051 trẻ (đạt tỉ lệ 93,6 %), trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt trên</p>

TT	Tỉnh/ Thành phố	Chương trình/ chính sách đặc thù	Kết quả thực hiện
			<p>99,68%; 100% trẻ DTTS được tăng cường tiếng Việt; 100% trẻ học 2 buổi/ngày và tỷ lệ được ăn tại trường tăng, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi giảm nhiều so với các năm trước. Tỷ lệ học sinh tiểu học ra lớp đạt trên 99% (vượt chỉ tiêu) và hoàn thành chương trình tiểu học đạt trên 99,5%. Học sinh người DTTS hoàn thành tiểu học đạt trên 98%; Thực hiện nghiêm túc chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên DTTS, đảm bảo cử tuyển đúng đối tượng, đúng tiêu chuẩn, khách quan, công bằng, công khai, minh bạch; Chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú ở các trường PTDTBT (bao gồm việc tổ chức ăn, ở, sinh hoạt và học tập,...) được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước để đảm bảo các điều kiện học tập, sinh hoạt và tạo sự ổn định, yên tâm cho học sinh và phụ huynh học sinh.</p>
		Cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu	<p>Thực hiện chính sách cấp không thu tiền các mặt hàng thiết yếu cho đồng bào DTTS nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn - năm 2024 cho 54.571 hộ (với 208.610 thành viên hộ gia đình) đồng bào DTTS ở các huyện miền núi và các xã thuộc huyện đồng bằng với tổng kinh phí với tổng kinh phí là trên 9,355 tỷ đồng, đạt 95,1% kế hoạch vốn giao.</p>
		Đào tạo nghề, giải quyết việc làm	<p>Số học sinh, sinh viên vùng DTTS tham gia học nghề các cấp trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và dưới 3 tháng tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh là 1.010 người. Đã hỗ trợ đào tạo nghề cho 800 lao động nông thôn là người dân tộc thiểu số theo chính sách của Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Có khoảng 80% lao động sau đào tạo nghề tự nâng cao tay nghề tham gia sản xuất tại địa phương hoặc được tư vấn, giải quyết việc làm tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong và ngoài tỉnh hoặc tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.</p> <p>Toàn tỉnh tạo thêm việc làm cho khoảng 10.302 lượt người lao động, đạt chỉ tiêu đề ra; trong đó, các huyện miền núi đã giải quyết việc làm cho 5.529 lao động, đạt 100,3% kế hoạch đề ra (mỗi năm giải quyết từ 5.500 - 6.000 lao động); tổ chức thành công 10 Phiên giao dịch việc làm tại các huyện, thành phố; hỗ trợ số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ở 05 huyện miền núi là 107 người, trong đó số lao động nữ là 41 người</p>

TT	Tỉnh/ Thành phố	Chương trình/ chính sách đặc thù	Kết quả thực hiện
		Hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng hộ gia đình	UBND tỉnh đã phân bổ 18.658,9 triệu đồng cho UBND các huyện để hỗ trợ hộ gia đình thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo 02 năm liên tục 2017-2018 đến năm 2020 đủ điều kiện thụ hưởng chính sách và hỗ trợ đối tượng là trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông năm thứ hai (là con của hộ thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo đã được hưởng năm thứ nhất). Hiện nay các địa phương đang tổ chức thực hiện việc hỗ trợ.
21	Quảng Ninh (03)	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống	Thực hiện Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS giai đoạn 2015-2025, Ban Dân tộc tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 02/KH-BDT ngày 11/01/2024, đôn đốc các sở, ngành thực hiện rà soát các nhiệm vụ và chỉ tiêu được giao tại Kế hoạch số 44/KH-UBND để xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án năm 2024. Tổ chức 04 hội nghị tập huấn bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nâng cao kỹ năng tuyên truyền, vận động, kỹ năng xử lý các tình huống trong giải quyết các vụ việc liên quan đến tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống và 06 hội nghị tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức, ý thức tự giác chấp hành pháp luật về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS với hơn 552 đại biểu
		Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phòng, chống tội phạm về ma túy	Xây dựng Kế hoạch số 03/KH-BDT ngày 15/01/2024 triển khai công tác phòng, chống ma túy vùng đồng bào DTTS và miền núi tỉnh Quảng Ninh năm 2024, tham mưu bố trí kinh phí triển khai thực hiện năm 2024 đảm bảo theo đúng quy định. Trong năm 2024, Ban Dân tộc tỉnh đã triển khai tổ chức 10 hội nghị tập huấn, bồi dưỡng, thông tin kiến thức về phòng chống ma túy tới 980 đại biểu là cán bộ làm công tác dân tộc cấp huyện, cấp xã, cán bộ thôn/bản và người dân tại 10 địa phương
		Bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hoá 4 làng DTTS	tiếp tục tham mưu thực hiện Kế hoạch số 161/KH-UBND ngày 21/6/2023 của UBND tỉnh về thí điểm xây dựng, bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hoá 4 làng DTTS gắn với phát triển du lịch cộng đồng khu vực miền núi tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2023 - 2025 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch 161/KH-UBND), gắn với thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 30/10/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh “về xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Quảng Ninh trở thành nguồn lực nội sinh, động lực cho phát triển nhanh, bền vững” và chủ đề công tác năm 2024 đối với nhiệm vụ “Phát triển văn hóa, con người giàu bản sắc Quảng Ninh”.

TT	Tỉnh/ Thành phố	Chương trình/ chính sách đặc thù	Kết quả thực hiện
22	Quảng Trị		Không có chương trình, chính sách dân tộc đặc thù
23	Sơn La		Không có chương trình, chính sách dân tộc đặc thù
24	Tây Ninh		Không có chương trình, chính sách dân tộc đặc thù
25	Trà Vinh (04)	Tín dụng ưu đãi	Đến hết tháng 11/2024, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đã giải ngân cho 342 hộ nghèo, với số tiền 14.721 triệu đồng; 1,013 hộ cận nghèo, với số tiền 45.451 triệu đồng và 2.183 hộ mới thoát nghèo vay vốn, với số tiền 115.381 triệu đồng
		Hỗ trợ BHYT	Cấp phát 320.633 thẻ BHYT cho đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân đang sinh sống tại vùng có điều kiện KT-XH ĐBKK; người dân đang sinh sống tại xã đảo; người dân các xã an toàn khu, vùng an toàn khu cách mạng; người DTTS đang sinh sống tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III, áp ĐBKK thuộc vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2016 - 2020 mà các xã này không còn trong danh sách các xã khu vực II, khu vực III, áp ĐBKK thuộc vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025; người thuộc hộ 10 gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình; đối tượng bảo trợ xã hội, trẻ em dưới 6 tuổi.
		Hỗ trợ về giáo dục	Hỗ trợ 7.289 học sinh, với số tiền 6.998 triệu đồng theo quy định của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ và các quy định của Bộ, ngành Trung ương có liên quan.
		Hỗ trợ nhà ở	Thực hiện Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 và Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh: Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đã giải ngân cho 2.991 hộ nghèo, với số tiền 110.540 triệu đồng; 1.273 hộ cận nghèo, với số tiền 60.055 triệu đồng. Ngoài ra, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Tỉnh ủy, trong năm 2024 từ nguồn Quỹ An sinh xã hội tỉnh đã hỗ trợ xây mới cho 3.241 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ khó khăn về nhà ở, cụ thể: Quỹ An sinh xã hội tỉnh hỗ trợ 1.939 căn, mức hỗ trợ 50.000.000 đồng/căn; Bộ Công an hỗ trợ 1.300 căn, mức hỗ trợ 50.000.000 đồng/căn và Tỉnh ủy đối ứng 14.961.000 đồng/căn từ nguồn Quỹ An sinh xã hội tỉnh. Ngoài ra, thực hiện Chương trình MTQG DTTS&MN: có 1.085 hộ thuộc đối tượng hỗ trợ nhà

TT	Tỉnh/ Thành phố	Chương trình/ chính sách đặc thù	Kết quả thực hiện
26	Tuyên Quang (02)	Chính sách cho người có uy tín	Tham mưu ban hành Kế hoạch số 34/KH-BDT ngày 12/4/2024
		Chính sách về dân tộc còn nhiều khó khăn và có khó khăn đặc thù	Tiếp tục phối hợp với UBND các huyện và các ngành thành viên Ban chỉ đạo xây dựng kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 23/9/1994 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; hướng dẫn chỉ đạo UBND các huyện thực hiện lồng ghép nguồn vốn Chương trình mục tiêu thực hiện hỗ trợ phát triển KT-XH đối với vùng đồng bào dân tộc Mông sinh sống, nhằm phát triển sản xuất, hoàn thiện hạ tầng cơ sở, nâng cao đời sống KT-XH cho đồng bào; thường xuyên nắm tình hình đời sống của đồng bào dân tộc Mông tại cơ sở
27	Vĩnh Long (01)	Công tác an sinh xã hội, chăm lo đời sống	Công văn số 1376/UBND-VX ngày 12/3/2024 về việc tổ chức Tết cổ truyền Chôl Chnăm Thmây năm 2024 của đồng bào dân tộc Khmer và các văn bản liên quan
28	Vĩnh Phúc (01)	Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới	Kế hoạch số 14/KH-BDT ngày 27/2/2024 về thực hiện “Đề án hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN” trên địa bàn tỉnh năm 2024. Tổ chức 01 đoàn công tác đi học tập, trao đổi kinh nghiệm; biên soạn 02 ấn phẩm tuyên truyền; Tổ chức 01 hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan vấn đề hôn nhân và gia đình trong đồng bào dân tộc thiểu số năm 2024 cho đội ngũ cán bộ tham gia thực hiện Đề án; tổ chức 14 hội nghị tuyên truyền giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống người dân và các em học sinh ở các xã vùng DTTS trên địa bàn tỉnh... Tổng kinh phí được cấp là 567 triệu đồng, đến hết tháng 12/2024 ước hoàn thành 100% kế hoạch năm
29	Yên Bái (06)	Tín dụng ưu đãi	Hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh đã giải ngân cho vay các Chương trình tín dụng ưu đãi đối với 25.000 hộ gia đình với tổng doanh số cho vay khoảng 1.400 tỷ đồng. Trong đó, số khách hàng được vay các chương trình tín dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo là 8.000 hộ với tổng số vốn cho vay trên 608 tỷ đồng.
		Hỗ trợ giáo dục	- Đã thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục đối với trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, học sinh thuộc các cơ sở giáo dục tại các thôn, xã ĐBKK, học sinh là người khuyết tật với tổng số 230.234 lượt học sinh, kinh phí thực hiện trên 233 tỷ đồng. HĐND tỉnh đã ban hành

TT	Tỉnh/ Thành phố	Chương trình/ chính sách đặc thù	Kết quả thực hiện
			<p>Nghị quyết về việc miễn toàn bộ học phí cho học sinh trên địa bàn tỉnh với tổng số học phí được miễn giá trị khoảng 50 tỷ đồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chính sách đối với học sinh phổ thông dân tộc nội trú theo Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009: 5.400 lượt học sinh được hưởng học bổng với tổng kinh phí 50.666 triệu đồng. - Chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 376.461 lượt học sinh được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, tổng kinh phí 111.029 triệu đồng, trong đó: miễn học phí 119.787 lượt học sinh, kinh phí 14.096 triệu đồng; giảm học phí 23.055 lượt học sinh, kinh phí 3.173 triệu đồng; hỗ trợ chi phí học tập 149.226 lượt học sinh, kinh phí 93.759 triệu đồng. - Chính sách hỗ trợ cho học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ: 52.977 lượt học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ với kinh phí hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở là 191.249 triệu đồng. - Chính sách hỗ trợ trẻ em mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển Giáo dục Mầm non: 35.489 lượt đối tượng được hưởng chính sách, kinh phí 31.518 triệu đồng. - Chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên DTTS rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP của Chính phủ: có 77 lượt học sinh được hưởng chính sách, kinh phí 362,314 triệu đồng.
		Hỗ trợ về nhà ở	Các địa phương khởi công làm nhà cho 1.424/1.424 hộ gia đình (gồm 1.046 nhà làm mới và 378 nhà sửa chữa), đạt 100% Kế hoạch năm.
		Hỗ trợ tiền điện	Các địa phương đã lập danh sách và chi trả trợ cấp tiền điện cho 22.045 hộ nghèo và hộ chính sách xã hội với tổng kinh phí 14,4 tỷ đồng.
		Hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo	Chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người DTTS khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ: Đã hỗ trợ 46 phụ nữ là người DTTS sinh con đúng chính sách dân số, kinh phí 92 triệu đồng.

TT	Tỉnh/ Thành phố	Chương trình/ chính sách đặc thù	Kết quả thực hiện
		Hỗ trợ BHYT	Toàn tỉnh đã đóng hoặc hỗ trợ một phần kinh phí mua BHYT cho 437.508 đối tượng là người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân ở vùng ĐBKK, người DTTS... với tổng số tiền 441,998 tỷ đồng.